Biểu mẫu 6

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TH PHƯỚC HÒA B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	674	143	156	144	133	98
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	674	143	156	144	133	98
III	**Số học sinh chia theo năng lực**	674	143	156	144	133	98
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	64,7%	61,5%	64,1%	63,2%	79,7%	55,1%
2	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	35,3%	38,5%	35,9%	36,8%	20,3%	44,9%
3	Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)		-	-	-	-	-
IV	**Số học sinh chia theo phẩm chất**	674	143	156	144	133	98
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	59,8%	60,1%	63,5%	54,2%	57,1%	64,3%
2	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	40,2%	39,9%	36,5%	45,8%	42,9%	35,7%
3	Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)		-	-	-	-	-
V	**Số học sinh chia theo môn học**						
1	**Tiếng Việt**	674	143	156	144	133	98
A	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	47,3%	53,8%	57,1%	45,1%	51,1%	41,8%
B	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	51,3%	38,5%	42,3%	54,9%	48,9%	58,2%
C	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1,4%	7,7%	0,6%	-	-	-
2	**Toán**	674	143	156	144	133	98
A	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	48,8%	58,7%	53,9%	42,4%	39,1%	50%
B	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	50%	35,7%	45,5%	57,6%	60,9%	50%
C	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1,2%	5,6%	0,6%	-	-	-
3	**Khoa học**	231				133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	62,5%				64,7%	60,2%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	37,5%				35,3%	39,8%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-				-	-
4	**Lịch sử và Địa lí**	231				133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	57,4 %				61,7%	53,1%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	42,6%				38,3%	46,9%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-				-	-
5	**Tiếng Anh**	674		156	144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	41,9%	40,6%	51,3%	27,8%	42,9%	46,9%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	57,9%	59,4%	48,7%	72,2 %	56,3%	53,1%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0,2%	-	-	-	0,8%	-
6	**Tin học**	375			144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	47,9%			47,9%	48,9%	46,9%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	52,1%			52,1%	51,1%	53,1%

Được quét bằng CamScanner

c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-			-	-	-
7	**Đạo đức**	674	143	156	144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	66,9%	67,1%	70,5%	57,6%	72,9%	66,3%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	33,1%	32,9%	29,5 %	42,2%	27,1%	33,7%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
8	**Tự nhiên và Xã hội**	443	143	156	144		
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	61,2%	62,2 %	69,9%	51,4%		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	368,8%	37,8%	30,1%	48,6%		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-		
9	**Âm nhạc**	674	143	156	144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	63,5%	62,2%	64,1%	59,7%	74,4%	57,1%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	36,5%	37,8%	35,9%	40,3%	25,6%	42,9%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
10	**Mĩ thuật**	674	143	156	144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	64,6%	72,7%	55,8%	60,4%	69,9%	64,3%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	35,4%	27,3%	44,2%	39,6%	30,1%	35,7%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
11	**Thủ công (Kỹ thuật)**	375			144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	61,2%			56,9%	68,4%	58,2%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	38,8%			43,1%	31,6%	41,8%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-			-	-	-
12	**Thể dục (GDTC)**	674	143	156	144	133	98
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	63,9%	72%	66%	61,8%	59,4%	60,2%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	36,1%	28%	34%	38,2%	40,6%	39,8%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
13	**Hoạt động trải nghiệm**	302	143	156			
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	64,2%	62,9%	65,4%			
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	35,8%	37,1%	34,6%			
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		-	-			
VI	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	674	143	156	144	133	98
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	97,8%	92,3%	98,7%	99,3%	99,3%	100%
a	Trong đó Học sinh khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	39,3%	47,6%	48,1%	30,6%	39,8%	34,7%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0,82%	-	2,6%	-	1,5%	-
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2,2%	7,7%	1,3	0,7	0,7%	-

Phước Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC HÒA B

Trần Thị Minh Huệ

Được quét bằng CamScanner